# *BÀI TẬP THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN*

***Dựa theo tranh và từ gợi ý tạo câu ở thì hiện tại tiếp diễn***



They / do / housework.



Mrs. Brown / wash/ the dishes.

.....  .....



He / have / breakfast.



They / watch / TV.

.....  .....



She / play / soccer



My father / swim

.....  .....

***I. Chia các câu sau ở thì hiện tại tiếp diễn.***

*Example:*1. They (go) ***<u>are going</u>*** to school.

2. Lan and Hoa (have) _____ breakfast.

3. My father (read) _____a book.

4. The students ( do) _____their homework.

5. They (brush) _____their teeth.

6. Mr and Mrs Smith (travel) _____to Hanoi.

7. My sister (not do) _____her homework. She (sleep)

8. His parents (not work) _____in the factory. They (do) _____the gardening.

9. The girl (not do) _____the housework. She (watch) _____TV.

10. _____Nga (read) _____ a book now?

11. _____they (play) _____a game in the yard?

LIVEWORKSHEETS

12. _____the children (wash) _____their clothes?

13. _____your mother (travel) _____to Danang now?

14. What _____Mr Hung (read) _____now?

He (listen) _____to the radio.

15. _____she (travel) _____to work by car?

***Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh***

1. is / What / doing / she / now?

……

2. cooking / My mother / the kitchen / in.

……

3. are / flying kites / They

……

4. learning English / are / The students

……

5. is / My father / TV / watching

……

6. puzzle / is / He / doing

……

7. playing / The boys / soccer / are

……

LIVEWORKSHEETS